

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
1	12000300	Bùi Phước An	1201	12A7	
2	12000400	Bùi Châu Đại An	1201	12A10	
3	12000500	Đoàn Ngọc An	1201	12A10	
4	12000800	La Gia Trâm Anh	1201	12AP2_TA	
5	12000900	Nguyễn Hoàng Thục Anh	1201	12AP2_TA	
6	12001500	Trịnh Mai Trâm Anh	1201	12A3	
7	12001600	Trần Ngọc Minh Anh	1201	12A3	
8	12001700	Trịnh Ngọc Trâm Anh	1201	12A3	
9	12001800	Lê Quỳnh Anh	1201	12A3	
10	12002100	Nguyễn Duy Anh	1201	12A6	
11	12002200	Nguyễn Huỳnh Trúc Anh	1201	12A6	
12	12002300	Vũ Lê Nhật Anh	1201	12A6	
13	12002400	Trần Mai Anh	1201	12A6	
14	12002500	Phạm Minh Anh	1201	12A6	
15	12002600	Trần Duy Anh	1201	12A7	
16	12002700	Phạm Hồng Anh	1201	12A7	
17	12002800	Nguyễn Ngọc Loan Anh	1201	12A7	
18	12002900	Nguyễn Thị Phương Anh	1201	12A7	
19	12003000	Đỗ Việt Anh	1201	12A7	
20	12003100	Nguyễn Hoàng Anh	1201	12A8	
21	12003200	Nguyễn Minh Anh	1201	12A8	
22	12003300	Lê Mai Anh	1201	12A9	
23	12003400	Phạm Minh Anh	1201	12A9	
24	12003500	Nguyễn Thị Trang Anh	1201	12A9	
1	12003600	Nguyễn Công Đức Anh	1202	12A10	
2	12003700	Nguyễn Công Huỳnh Anh	1202	12A10	
3	12003800	Đặng Dương Quỳnh Anh	1202	12A10	
4	12003900	Nguyễn Đức Anh	1202	12A10	
5	12004000	Nguyễn Minh Anh	1202	12A10	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
6	12004100	Trần Ngọc Anh	1202	12A11	
7	12004200	Nguyễn Phương Anh	1202	12A11	
8	12004300	Nguyễn Thái Anh	1202	12A11	
9	12004400	Huỳnh Trần Song Anh	1202	12A11	
10	12004500	Trương Xuân Bách	1202	12A10	
11	12004600	Nguyễn Khánh Bằng	1202	12A10	
12	12004700	Huỳnh Nguyễn Khánh Bằng	1202	12A11	
13	12004800	Nguyễn Trần Phúc Bảo	1202	12AP2_TA	
14	12004900	Nguyễn Hoàng Ngọc Bảo	1202	12A5	
15	12005000	Trần Vũ Ngọc Bảo	1202	12A6	
16	12005100	Phạm Gia Bảo	1202	12A7	
17	12005200	Lê Huỳnh Gia Bảo	1202	12A8	
18	12005300	Tăng Thiên Bảo	1202	12A8	
19	12005400	Lương Ngọc Bảo	1202	12A10	
20	12005500	Trình Thanh Bình	1202	12A11	
21	12005600	Nguyễn Phan Chấn	1202	12A8	
22	12005700	Bùi Long Châu	1202	12AP2_TA	
23	12005800	Trần Long Châu	1202	12A6	
24	12005900	Đỗ Lê Quỳnh Chi	1202	12A11	
1	12006000	Nguyễn Thị Thủy Chung	1203	12A5	
2	12006100	Nguyễn Kiên Cường	1203	12A5	
3	12006200	Đoàn Đức Cường	1203	12A8	
4	12006300	Lê Đức Cường	1203	12A9	
5	12006400	Trần Nguyễn Minh Đan	1203	12AP2_TA	
6	12006500	Dương Nhật Đăng	1203	12A7	
7	12006600	Nguyễn Công Danh	1203	12A3	
8	12007100	Trần Tấn Đạt	1203	12A5	
9	12007200	Đặng Thành Đạt	1203	12A8	
10	12007300	Nguyễn Phúc Đạt	1203	12A9	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
11	12007400	Nguyễn Tuấn Đạt	1203	12A9	
12	12007500	Đàm Tá Đạt	1203	12A10	
13	12007600	Nguyễn Văn Minh Diện	1203	12A5	
14	12007800	Lê Ngọc Diệp	1203	12A3	
15	12007900	Nguyễn Thịnh Đức	1203	12A5	
16	12008000	Phạm Tiến Đức	1203	12A5	
17	12008100	Lê Thái Anh Đức	1203	12A6	
18	12008200	Phan Bá Đức	1203	12A7	
19	12008500	Nguyễn Tiến Dũng	1203	12A9	
20	12008900	Nguyễn Lê Duy	1203	12A5	
21	12009000	Thạch Hữu Duy	1203	12A10	
22	12009300	Trần Nguyễn Kỳ Duyên	1203	12A5	
23	12009400	Mai Nguyễn Trà Giang	1203	12AP2_TA	
24	12009700	Lê Hà Giang	1203	12A10	
1	12009900	Nguyễn Hoàng Thu Hà	1204	12A8	
2	12010000	Trần Ngọc Thái Hà	1204	12A8	
3	12010100	Tống Hoàng Hải	1204	12A11	
4	12011000	Trần Phạm Gia Hân	1204	12A6	
5	12011100	Hà Huỳnh Nhã Hân	1204	12A9	
6	12011300	Phan Thị Mỹ Hạnh	1204	12A5	
7	12011400	Đỗ Khắc Hào	1204	12A8	
8	12011700	Vũ Thu Hiền	1204	12A10	
9	12011800	Nguyễn Thị Minh Hiền	1204	12A11	
10	12011900	Lê Minh Hiễn	1204	12A5	
11	12012100	Nguyễn Ngọc Hiếu	1204	12A3	
12	12012200	Văn Đình Hiếu	1204	12A5	
13	12012300	Lê Văn Hiếu	1204	12A5	
14	12012400	Trần Trung Hiếu	1204	12A9	
15	12012500	Hoàng Văn Hiếu	1204	12A11	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
16	12012600	Phạm Phi Hồ	1204	12A6	
17	12012800	Trương Gia Hoan	1204	12AP2_TA	
18	12012900	Vũ Đức Hoàng	1204	12A5	
19	12013000	Kiều Tiến Hoàng	1204	12A9	
20	12013100	Nguyễn Huy Hoàng	1204	12A11	
21	12013300	Nguyễn Mạnh Hùng	1204	12A8	
22	12013400	Đoàn Mạnh Hùng	1204	12A10	
23	12013500	Vũ Gia Hưng	1204	12A5	
24	12013600	Lâm Phúc Hưng	1204	12A7	
1	12013700	Lư Khánh Hưng	1205	12A8	
2	12013800	Nguyễn Quốc Hưng	1205	12A8	
3	12013900	Võ Trung Hưng	1205	12A10	
4	12014000	Nguyễn Khánh Hưng	1205	12A11	
5	12014100	Trần Thế Hưng	1205	12A11	
6	12014200	Nguyễn Ngọc Lan Hương	1205	12AP2_TA	
7	12014300	Đoàn Hồng Quỳnh Hương	1205	12A8	
8	12014400	Nguyễn Quốc Huy	1205	12AP2_TA	
9	12014500	Lưu Công Huy	1205	12A3	
10	12014600	Nguyễn Minh Huy	1205	12A3	
11	12014700	Phan Hoàng Huy	1205	12A5	
12	12014800	Nguyễn Nhật Huy	1205	12A5	
13	12014900	Lê Nhật Huy	1205	12A8	
14	12015000	Nguyễn Nhật Huy	1205	12A8	
15	12015100	Nguyễn Đức Huy	1205	12A10	
16	12015200	Hoàng Nguyễn Nhật Huy	1205	12A11	
17	12015400	Lê Chí Kha	1205	12A9	
18	12015600	Hứa Võ Khang	1205	12A8	
19	12015700	Nguyễn Phúc Khang	1205	12A10	
20	12015800	Huỳnh An Khang	1205	12A11	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
21	12015900	Trịnh Hữu Minh Khang	1205	12A11	
22	12016100	Đỗ Quốc Khánh	1205	12A10	
23	12016500	Lê Hải Đăng Khoa	1205	12A8	
24	12016600	Đỗ Thái Y Khoa	1205	12A9	
1	12016800	Nguyễn Đức Nguyên Khôi	1206	12A9	
2	12016900	Dương Quý Mai Khuê	1206	12A6	
3	12017000	Lâm Duy Khương	1206	12A10	
4	12017100	Nguyễn Phan Trung Kiên	1206	12A11	
5	12017200	Cao Trung Kiên	1206	12A11	
6	12017300	Vũ Trung Kiên	1206	12A11	
7	12017400	Văn Thế Kiệt	1206	12A9	
8	12017600	Phạm Nguyễn Trúc Lam	1206	12A3	
9	12017700	Nguyễn Hồng Lam	1206	12A5	
10	12017800	Lê Trúc Lam	1206	12A8	
11	12018500	Tường Thị Thùy Linh	1206	12A5	
12	12018600	Nguyễn Trần Diệu Linh	1206	12A5	
13	12018700	Trần Thùy Linh	1206	12A6	
14	12018800	Nguyễn Khánh Linh	1206	12A7	
15	12018900	Nguyễn Phương Linh	1206	12A9	
16	12019000	Nguyễn Thị Hồng Loan	1206	12A9	
17	12019100	Lê Đình Tấn Lộc	1206	12A6	
18	12019200	Bùi Hoàng Lộc	1206	12A7	
19	12019300	Nguyễn Hữu Lộc	1206	12A7	
20	12019400	Đỗ Xuân Lộc	1206	12A9	
21	12019500	Mai Tấn Lộc	1206	12A10	
22	12019600	Huỳnh Tấn Lộc	1206	12A11	
23	12019700	Dương Đại Lợi	1206	12A9	
24	12020000	Nguyễn Hoàng Long	1206	12A5	
1	12020100	Trần Thành Long	1207	12A9	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
2	12020200	Nguyễn Hoàng Long	1207	12A10	
3	12020300	Nguyễn Minh Long	1207	12A10	
4	12020400	Nguyễn Trần Bảo Long	1207	12A10	
5	12020500	Lê Hoàng Nguyên Long	1207	12A11	
6	12020700	Đào Thị Trúc Ly	1207	12A6	
7	12021000	Phan Thị Thanh Mai	1207	12A6	
8	12021100	Phạm Sao Mai	1207	12A11	
9	12021400	Nguyễn Thị Ngọc Minh	1207	12A3	
10	12021500	Chiêm Nguyễn Quốc Minh	1207	12A5	
11	12021600	Nguyễn Ngọc Phương Minh	1207	12A6	
12	12021700	Trần Gia Minh	1207	12A7	
13	12021800	Nguyễn Vũ Minh	1207	12A7	
14	12021900	Hồ Nguyễn Ngọc Minh	1207	12A8	
15	12022000	Nguyễn Cát Tuệ Minh	1207	12A9	
16	12022100	Trần Thế Minh	1207	12A10	
17	12022500	Lê Nguyễn Trà My	1207	12A5	
18	12022800	Phạm Nguyễn Bảo Nam	1207	12A7	
19	12022900	Lê Quốc Nam	1207	12A7	
20	12023000	Hoàng Đình Nam	1207	12A11	
21	12023100	Thiều Tiên Nam	1207	12A11	
22	12023200	Huỳnh Ngọc Nga	1207	12AP2_TA	
23	12023400	Nguyễn Hồng Bảo Ngân	1207	12A3	
24	12023700	Đình Đông Ngân	1207	12A7	
1	12023800	Hồng Thái Kim Ngân	1208	12A8	
2	12023900	Nguyễn Thị Thu Ngân	1208	12A8	
3	12024000	Lê Hoàng Ngân	1208	12A9	
4	12024100	Bùi Khánh Ngân	1208	12A11	
5	12024300	Lê Hoàng Khánh Nghi	1208	12A3	
6	12024400	Hồ Phương Nghi	1208	12A6	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
7	12024500	Võ Thị Mỹ Nghi	1208	12A3	
8	12024600	Nguyễn Thị Thiên Ngọc	1208	12AP2_TA	
9	12024800	Huỳnh Thụy Như Ngọc	1208	12A3	
10	12025000	Huỳnh Hoàng Như Ngọc	1208	12A6	
11	12025100	Nguyễn Hồng Ngọc	1208	12A6	
12	12025200	Tăng Phan Bảo Ngọc	1208	12A6	
13	12025300	Nguyễn Phương Bảo Ngọc	1208	12A7	
14	12025400	Trịnh Thanh Ngọc	1208	12A8	
15	12025500	Trần Hoàng Khánh Ngọc	1208	12A9	
16	12025600	Vũ Lê Bảo Ngọc	1208	12A9	
17	12025700	Nguyễn Phan Kim Ngọc	1208	12A11	
18	12026000	Nguyễn Ngọc Trúc Nguyên	1208	12A6	
19	12026100	Nguyễn Ngọc Xuân Nguyên	1208	12A6	
20	12026200	Hồ Khải Nguyên	1208	12A7	
21	12026300	Cao Thanh Nguyên	1208	12A7	
22	12026400	Trần Nguyễn Tấn Nguyên	1208	12A10	
23	12026500	Thi Nhân Bích Nguyên	1208	12A10	
24	12026600	Huỳnh Trần Song Nguyên	1208	12A11	
1	12026700	Phạm Trí Nguyên	1209	12A9	
2	12027100	Trương Thành Nhân	1209	12A5	
3	12027200	Trần Thiện Nhân	1209	12A6	
4	12027300	Trần Thành Nhân	1209	12A9	
5	12027400	Nguyễn Minh Nhật	1209	12AP2_TA	
6	12027600	Nguyễn Thị Yến Nhi	1209	12AP2_TA	
7	12027700	Nguyễn Đoàn Yến Nhi	1209	12A3	
8	12027800	Võ Ngọc Ái Nhi	1209	12A7	
9	12027900	Lý Yến Nhi	1209	12A7	
10	12028200	Trần Huệ Tâm Như	1209	12A3	
11	12028400	Đặng Ngọc Vân Như	1209	12A5	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
12	12028500	Nguyễn Bùi Khánh Như	1209	12A6	
13	12028600	Trần Phan Huỳnh Như	1209	12A6	
14	12028700	Lê Bùi Quỳnh Như	1209	12A8	
15	12028800	Tăng Quỳnh Như	1209	12A8	
16	12028900	Lê Quỳnh Như	1209	12A9	
17	12029000	Nguyễn Ngọc Bảo Như	1209	12A10	
18	12029100	Nguyễn Thị Khánh Như	1209	12A10	
19	12029200	Hồ Lâm Tuyết Nhung	1209	12A11	
20	12029400	Nguyễn Tấn Phát	1209	12A3	
21	12029500	Nguyễn Tiến Phát	1209	12A5	
22	12029600	Nguyễn Huy Phát	1209	12A8	
23	12029700	Nguyễn Hoàng Phát	1209	12A9	
24	12029800	Võ Lâm Gia Phát	1209	12A9	
1	12029900	Lý Thuận Phát	1210	12A9	
2	12030000	Lưu Hoàng Gia Phát	1210	12A11	
3	12030200	Trương Tấn Phong	1210	12A3	
4	12030300	Diệp Cao Phong	1210	12A5	
5	12030800	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	1210	12A3	
6	12031000	Lê Nguyên Phúc	1210	12A6	
7	12031100	Hà Đặng Diễm Phúc	1210	12A8	
8	12031200	Phạm Hoàng Phúc	1210	12A8	
9	12031300	Lê Quang Phúc	1210	12A9	
10	12031500	Nguyễn Kiều Trúc Phương	1210	12A3	
11	12031600	Phạm Mai Phương	1210	12A5	
12	12031700	Lê Ngọc Diễm Phương	1210	12A6	
13	12031800	Nguyễn An Phương	1210	12A7	
14	12031900	Trần Nam Phương	1210	12A7	
15	12032000	Huỳnh Thái Phương	1210	12A7	
16	12032100	Nguyễn Tuyết Phương	1210	12A7	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
17	12032200	Trần Thị Yến Phương	1210	12A8	
18	12032300	Nguyễn Minh Phương	1210	12A11	
19	12032800	Nguyễn Minh Quân	1210	12A5	
20	12032900	Nguyễn Quân	1210	12A10	
21	12033100	Nguyễn Đại Quang	1210	12A5	
22	12033200	Ngô Đào Minh Quang	1210	12A9	
23	12033300	Bùi Nguyễn Minh Quang	1210	12A11	
24	12033400	Đặng Trung Quốc	1210	12A3	
1	12033500	Trần Nguyễn Tiến Quốc	1211	12A6	
2	12033600	Nguyễn Cường Quốc	1211	12A7	
3	12033700	Mai Ngọc Quyên	1211	12AP2_TA	
4	12033900	Nguyễn Thị Mỹ Quyền	1211	12A10	
5	12034300	Trần Thúy Quỳnh	1211	12A5	
6	12034400	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1211	12A6	
7	12034500	Nguyễn Võ Như Quỳnh	1211	12A6	
8	12034600	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1211	12A9	
9	12034700	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	1211	12A11	
10	12034800	Phạm Lê Phước Sang	1211	12A5	
11	12034900	Trần Phú Sang	1211	12A5	
12	12035000	Vũ Ngọc Sang	1211	12A9	
13	12035100	Trần Tuấn Sang	1211	12A11	
14	12035400	Phạm Thái Sơn	1211	12A8	
15	12035500	Võ Thành Tài	1211	12A5	
16	12035600	Nguyễn Tấn Tài	1211	12A8	
17	12035900	Trần Ngọc Khiết Tâm	1211	12A3	
18	12036000	Lâm Thanh Tâm	1211	12A3	
19	12036100	Thái Minh Tâm	1211	12A8	
20	12036200	Lê Thị Mỹ Tâm	1211	12A8	
21	12036600	Trần Nhật Tân	1211	12A9	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
22	12036800	Nguyễn Tùng Ngọc Thạch	1211	12A9	
23	12036900	Phạm Minh Xuân Thái	1211	12A7	
24	12037000	Trần Hoàng Thái	1211	12A9	
1	12037100	Lê Quốc Thái	1212	12A11	
2	12037400	Trà Nguyễn Toàn Thắng	1212	12AP2_TA	
3	12037500	Cao Quốc Thắng	1212	12A7	
4	12037600	Lê Chí Thắng	1212	12A10	
5	12037800	Nguyễn Vân Thanh	1212	12A7	
6	12037900	Nguyễn Chí Thanh	1212	12A10	
7	12038000	Nguyễn Gia Thành	1212	12A3	
8	12038100	Phạm Ngọc Thành	1212	12A3	
9	12038200	Nguyễn Văn Thành	1212	12A3	
10	12038300	Cao Công Thành	1212	12A10	
11	12038500	Nguyễn Mai Thảo	1212	12A3	
12	12038800	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	1212	12A5	
13	12038900	Nguyễn Phương Thảo	1212	12A5	
14	12039000	Nguyễn Phương Thảo	1212	12A6	
15	12039100	Văn Ngọc Thảo	1212	12A7	
16	12039200	Huỳnh Thị Thanh Thảo	1212	12A7	
17	12039300	Nguyễn Bách Thảo	1212	12A8	
18	12039400	Lê Đức Thiện	1212	12A5	
19	12039500	Nguyễn Trường Thịnh	1212	12A7	
20	12039700	Đinh Thị Anh Thơ	1212	12A3	
21	12039900	Nguyễn Anh Thơ	1212	12A6	
22	12040000	Lương Hồ Anh Thơ	1212	12A6	
23	12040100	Nguyễn Ngọc Minh Thơ	1212	12A7	
24	12040200	Lê Nguyễn Thanh Thơ	1212	12A7	
1	12040300	Vương Anh Thơ	1213	12A8	
2	12040400	Nguyễn Minh Thơ	1213	12A8	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
3	12040500	Trương Nguyễn Anh Thơ	1213	12A8	
4	12040600	Lê Thị Cần Thơ	1213	12A9	
5	12040700	Nguyễn Anh Thơ	1213	12A10	
6	12041100	Trương Trúc Thu	1213	12A3	
7	12041300	Nguyễn Thị Anh Thu	1213	12A5	
8	12041400	Phan Thị Minh Thu	1213	12A6	
9	12041500	Ngô Nguyễn Song Thu	1213	12A8	
10	12041600	Nguyễn Hoàng Minh Thu	1213	12A9	
11	12041700	Nguyễn Anh Thu	1213	12A11	
12	12042200	Nguyễn Thị Phương Thùy	1213	12A11	
13	12042300	Nguyễn Thị Kim Thy	1213	12A3	
14	12042500	Ngô Trúc Thy	1213	12A6	
15	12042700	Hồ Nguyễn Hoàng Cát Tiên	1213	12A3	
16	12042800	Nguyễn Thị Kiều Tiên	1213	12A3	
17	12043000	Lê Tấn Tiến	1213	12A7	
18	12043100	Nguyễn Trung Tiến	1213	12A7	
19	12043200	Đặng Đức Tiến	1213	12A8	
20	12043300	Nguyễn Minh Tiến	1213	12A8	
21	12043400	Huỳnh Việt Tiến	1213	12A9	
22	12043500	Phan Đức Tiến	1213	12A10	
23	12043600	Đặng Lê Chí Tiến	1213	12A10	
24	12043700	Phan Quốc Tiến	1213	12A10	
1	12043800	Nguyễn Ngô Nhật Tiến	1214	12A11	
2	12043900	Võ Nguyễn Đức Tín	1214	12A7	
3	12044000	Trần Nguyễn Trung Tín	1214	12A7	
4	12044100	Trần Quốc Toàn	1214	12A11	
5	12044400	Huỳnh Đặng Thùy Trâm	1214	12A9	
6	12044500	Hoàng Huyền Trâm	1214	12A11	
7	12044800	Nguyễn Ngọc Trân	1214	12AP2_TA	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
8	12044900	Đặng Thị Huyền Trân	1214	12AP2_TA	
9	12045500	Phan Bảo Trân	1214	12A3	
10	12045600	Nguyễn Bảo Trân	1214	12A5	
11	12045700	Nguyễn Lê Tuyết Trân	1214	12A5	
12	12045800	Trần Thị Bảo Trân	1214	12A6	
13	12045900	Đỗ Hải Trân	1214	12A7	
14	12046100	Vũ Ngọc Phương Trang	1214	12A6	
15	12046200	Đào Thùy Trang	1214	12A7	
16	12046300	Nguyễn Lâm Uyên Tri	1214	12A11	
17	12046400	Võ Minh Trí	1214	12A3	
18	12046500	Trương Minh Triết	1214	12A6	
19	12046600	Phạm Nhật Triều	1214	12A6	
20	12046800	Phạm Đức Trọng	1214	12A7	
21	12046900	Ngô Hữu Trung	1214	12A10	
22	12047100	Đỗ Anh Tuấn	1214	12A11	
23	12047500	Nguyễn Hoàng Khánh Tường	1214	12A5	
24	12047700	Nguyễn Ngọc Tuyền	1214	12A3	
1	12047800	Võ Trần Ánh Tuyết	1215	12A3	
2	12047900	Phùng Hoàng Tỷ	1215	12A5	
3	12048100	Võ Thị Mỹ Uyên	1215	12A10	
4	12048400	Võ Thị Ái Vân	1215	12A6	
5	12048500	Lê Hoàng Gia Văn	1215	12A8	
6	12048600	Phạm Tô Văn	1215	12A8	
7	12048800	Lê Nguyễn Tường Vi	1215	12A7	
8	12048900	Đặng Dương Triều Vĩ	1215	12A10	
9	12049100	Trương Thảo Vy	1215	12AP2_TA	
10	12049200	Thái Tuyết Vy	1215	12AP2_TA	
11	12049300	Nguyễn Tường Vy	1215	12AP2_TA	
12	12049700	Phạm Thị Phương Vy	1215	12A3	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
13	12049800	Lê Thị Tường Vy	1215	12A3	
14	12049900	Nguyễn Thúy Khả Vy	1215	12A3	
15	12050000	Bùi Tường Vy	1215	12A3	
16	12050200	Hồ Thảo Vy	1215	12A8	
17	12050300	Nguyễn Thiên La Vy	1215	12A8	
18	12050400	Ngô Tường Vy	1215	12A9	
19	12050500	Huỳnh Nguyễn Trúc Vy	1215	12A10	
20	12050600	Lê Hà Tuệ Vy	1215	12A11	
21	12050700	Bùi Thùy Khánh Vy	1215	12A11	
22	12050800	Trần Thị Thanh Xuân	1215	12A8	
23	12051000	Nguyễn Thị Như Ý	1215	12A3	
24	12051100	Huỳnh Trương Như Ý	1215	12A6	
1	12051200	Lê Nguyễn Như Ý	1216	12A9	
2	12051500	Lý Hoài Yến	1216	12A6	
3	12051600	Mã Lê Phi Yến	1216	12A7	
4	12051700	Võ Ngọc Yến	1216	12A8	
5	12051900	Đặng Phạm Thành Đạt	1216	12AP2_TP	
6	12052000	Phan Minh Đức	1216	12AP2_TP	
7	12052100	Nguyễn Khánh Hà	1216	12AP2_TP	
8	12052200	Phạm Gia Hân	1216	12AP2_TP	
9	12052500	Lê Quốc Hùng	1216	12AP2_TP	
10	12052700	Huỳnh Nguyễn Gia Khôi	1216	12AP2_TP	
11	12052900	Nguyễn Duy Mạnh	1216	12AP2_TP	
12	12053100	Trương Quốc Minh	1216	12AP2_TP	
13	12053200	Nguyễn Thị Kim Ngân	1216	12AP2_TP	
14	12053300	Trần Nguyễn Hoàng Nguyên	1216	12AP2_TP	
15	12053400	Trần Hữu Phát	1216	12AP2_TP	
16	12053500	Hoàng Tấn Phát	1216	12AP2_TP	
17	12053600	Mã Nguyễn Thanh Phước	1216	12AP2_TP	

MÔN: SINH HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Phòng kiểm tra số	Lớp	Ghi chú
18	12053700	Đặng Ngọc Như Quỳnh	1216	12AP2_TP	
19	12053800	Phùng Hải Sơn	1216	12AP2_TP	
20	12053900	Lê Đức Thịnh	1216	12AP2_TP	
21	12054000	Huỳnh Anh Thư	1216	12AP2_TP	
22	12054100	Lê Nguyễn Anh Thư	1216	12AP2_TP	
23	12054300	Trương Bảo Thy	1216	12AP2_TP	
24	12054500	Nguyễn Ngọc Tường Vy	1216	12AP2_TP	
25	12054600	Nguyễn Hoàng Duy Ý	1216	12AP2_TP	

Danh sách có 385 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 17 tháng 12 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đông Anh Đào